

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 43/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 28/5/2024
V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tính.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Văn Duẩn.

Ông Trần Minh Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thanh Huyền, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh: Ông Đặng Thanh Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 24/2023/TLST-HNGĐ ngày 03/11/2023 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 40/2024/QĐ-ST ngày 25 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đinh Thị B, sinh năm 1998; HKTT: Thôn CG, xã YP, huyện YP, tỉnh B Ninh (vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Trần Văn K, sinh năm 1994; HKTT: Thôn CG, xã YP, huyện YP, tỉnh B Ninh. Hiện nay đang trú tại: Nhật Bản (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Đinh Thị B trình bày: Chị và anh Trần Văn K, sinh năm 1994; trú tại: Thôn Cầu Gạo, xã Yên Phụ, huyện Yên Phong, tỉnh B Ninh kết hôn với nhau dưới sự chứng kiến của họ hàng từ ngày 09/01/2015. Đến ngày 11/4/2019 anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã Yên Phụ, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh. Trước khi kết hôn, chị và anh K đã được tự do tìm hiểu, tự nguyện đến với nhau, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn thì vợ chồng chung sống với nhau tại nhà bố mẹ đẻ anh K.

Cuộc sống vợ chồng ban đầu hạnh phúc. Khoảng tháng 6/2015 anh K đi Nhật Bản, đến năm 2018 anh K có về Việt Nam thăm gia đình và vợ chồng có

con chung là cháu Trần Tuấn M, sinh ngày 02/02/2019. Đến năm 2022, do vợ chồng xa cách nên tình cảm vợ chồng không gắn bó, anh K dần cắt đứt liên lạc với chị B. Từ tháng 02 năm 2023 chị B và anh K không còn liên lạc với nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống với nhau, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh K.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Trần Tuấn M, sinh ngày 02/02/2019. Khi ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi cháu Tuấn M. Cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ: Vợ chồng không có tài sản chung, công nợ nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn là anh Trần Văn K hiện đang sinh sống và lao động tại Nhật Bản nên Hội đồng xét xử không tiến hành lấy lời khai được. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành làm việc với bà Đào Thị L là mẹ đẻ của anh K, bà L trình bày: Hiện nay anh K đang lao động tại Nhật Bản. Anh K có gọi điện cho bà L nhưng bà không biết anh K đang ở đâu nên không thể cung cấp địa chỉ của anh K tại Nhật Bản cho Tòa án được. Anh Trần Văn K đã biết chị B đang làm thủ tục xin ly hôn với anh tại Tòa án, tuy nhiên anh K không có truyền đạt quan điểm. Bà xác nhận rằng giữa anh K và chị B không L lạc với nhau kể từ tháng 02 năm 2023 đến nay và chị B cũng bỏ về ngoại sống, không sống cùng gia đình bà L nữa. Về con chung bà L đề nghị trong thời gian anh K ở nước ngoài thì giao cháu Tuấn M cho bà chăm sóc và không đề nghị chị B phải cấp dưỡng. Bà cũng xác nhận rằng anh K và chị B không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà L đồng ý nhận thay các văn bản của Tòa án và cam kết thông báo cho anh K được biết.

Bị đơn hiện đang sinh sống và lao động tại Nhật Bản nên Hội đồng xét xử không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Đinh Thị B có đề nghị được vắng mặt và anh Trần Văn K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật; nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 28, 37, 38, 146, 147, 227, 271, 273, 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH, xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn: Xử cho chị Đinh Thị B được ly hôn anh Trần Văn K. Về con chung: Giao con chung là cháu Trần Tuấn M, sinh ngày 02/02/2019 cho chị Đinh Thị B trực tiếp nuôi dưỡng, cấp dưỡng không xem xét giải quyết. Tài sản chung và công nợ: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Đinh Thị B phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Thủ tục tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp: Chị Đinh Thị B đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Văn K. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự thì quan hệ tranh chấp trong vụ án được xác định là “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”.

Về thẩm quyền giải quyết: Theo đơn xin ly hôn của chị Đinh Thị B, anh Trần Văn K có hộ khẩu thường trú tại thôn Cầu Gạo, xã Yên Phụ, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh; tại thời điểm thụ lý vụ án anh Trần Văn K đang lao động Nhật Bản. Tòa án đã tiến hành xác minh thông tin về thời gian xuất nhập cảnh tại Phòng quản lý xuất nhập cảnh - Công an tỉnh Bắc Ninh được biết, anh Trần Văn K đã xuất cảnh lần gần nhất là ngày 01/9/2019 qua cửa khẩu Nội Bài và hiện chưa có thông tin nhập cảnh trở lại Việt Nam. Căn cứ khoản 3 Điều 35, Điều 37, Điều 38 Bộ luật Tố tụng dân sự thì tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

Về việc tham gia tố tụng của các đương sự: Do anh Trần Văn K đang sinh sống và làm việc tại Nhật Bản nên Tòa án đã tiến hành làm việc với bà Đào Thị L là mẹ đẻ của anh K về việc cung cấp địa chỉ cụ thể của anh K tại Nhật Bản nhưng bà L không cung cấp được cho Tòa án. Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh K thông bà L và bà L cam kết thông báo lại cho anh K nội dung các văn bản tố tụng. Anh K biết việc chị B khởi kiện xin ly hôn tại Tòa án. Do vậy, cần xác định bị đơn cố tình giấu địa chỉ. Căn cứ căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2]. Nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị B và anh K kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đã đăng ký kết hôn vào ngày 11/4/2019 tại UBND xã Yên Phụ nên đảm bảo về điều kiện kết hôn theo luật định. Vì vậy, quan hệ hôn nhân của chị B và anh K là hợp pháp.

Quá trình chung sống, ban đầu vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc sau đó phát sinh mâu thuẫn. Tháng 09/2019 thì anh K đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản thì vợ chồng sống ly thân. Tháng 02 năm 2023, anh K cắt đứt L lạc với chị B. Chị B xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên chị đề nghị Tòa án cho anh được ly hôn anh K.

Do không lấy được lời khai của anh K, nhưng căn cứ vào lời trình bày của bà L là mẹ đẻ của anh K thì biết anh K đã biết việc chị B xin ly hôn tuy nhiên anh K không thể hiện quan điểm là có đồng ý ly hôn với chị B hay không. Bà L cũng xác nhận rằng anh K cắt đứt L lạc với chị B kể từ tháng 02/2023 và sau đó chị B bỏ về nhà mẹ đẻ và không quay trở lại cho đến nay.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản cho anh K thông qua bà L là mẹ đẻ anh Khuyến thì anh K có biết việc chị B xin ly hôn nhưng vẫn không trình bày quan điểm về việc giải quyết ly hôn.

Hội đồng xét xử nhận thấy, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng chị B, anh K là có thực, mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Yêu cầu xin ly hôn của chị B là có căn cứ, đủ điều kiện ly hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị B, xử cho chị Đinh Thị B được ly hôn anh Trần Văn K.

[2.2]. Về con chung: Chị B trình bày, vợ chồng có 01 con chung là cháu Trần Tuấn M sinh ngày 02/02/2019. Hiện nay cháu đang ở với chị B nên khi ly hôn chị đề nghị giao con chung là cháu Trần Tuấn M, sinh ngày 02/02/2019 cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng. Cấp dưỡng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Qua làm việc với bà L là mẹ đẻ của anh K thì bà có quan điểm mong muốn được nuôi cháu Tuấn M. Tuy nhiên việc nuôi dưỡng con chung là nghĩa vụ và quyền của vợ chồng. Nay anh K đang lao động tại nước ngoài, không thể trực tiếp chăm sóc cháu Tuấn M. Cháu Tuấn M đang do chị B nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử thấy cần giao cháu Tuấn M cho chị B nuôi dưỡng để tránh gây xáo trộn môi trường học tập, sinh sống của cháu.

Về cấp dưỡng con: Chị Bắc không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3]. Về tài sản chung, công nợ chung: Vợ chồng chị B và anh K không có sản chung, công nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3]. Về án phí: Chị Đinh Thị B phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 37, 38, 146, 147, 227, 228, 271, 273, 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị B: Chị Đinh Thị B được ly hôn anh Trần Văn K.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Trần Tuấn M, sinh ngày 02/02/2019 cho chị Đinh Thị B trực tiếp nuôi dưỡng. Sau ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở.

Cấp dưỡng không xem xét giải quyết.

3. Tài sản chung và công nợ: Không xem xét giải quyết.

4. Án phí: Chị B phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị B đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000022 ngày 02/11/2023 tại Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Bắc Ninh.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- Cục THADS tỉnh Bắc Ninh;
- UBND xã Yên Phụ, h Yên Phong;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Tính

**THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần M Phương - Mai Văn Duẩn

Nguyễn Văn Tính